TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **116**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 18 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa:

** Nguyên đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1980;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi ĐKHKTT: Tổ 23, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở: Số nhà 07, đường D, tổ 7, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Nơi ĐKHKTT: Tổ 23, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở: Số nhà 07, đường D, tổ 7, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Ngọc T và Chị Nguyễn Thị Th.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Khánh Ng, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2008, cho Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê

Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Ngọc T tự nguyện nhận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000329, ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho anh T số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị Th không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường X;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền